

**Số: 172/2017/QĐST-HNGĐ**

*Cầu Ngang, ngày 04 tháng 7 năm 2017*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 25/2015/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2015.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* Cao Thị Tuyết M sinh năm 1976

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tạm trú: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Lưu Kim L sinh năm 1970

Địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về tài sản chung:** Chị Cao Thị Tuyết M và anh Lưu Kim L xác định tài sản chung gồm nhà chính, dạng độc lập, cột, móng bê tông cốt thép (trệt), tường xây gạch tráng vữa, quét vôi, lắp dựng khung cửa sắt, nền gạch men, mái tol có trần tấm nhựa, diện tích 76,85m<sup>2</sup> (ngang 5,3m x dài 14,5m) và mái hiên có kết cấu đỡ bằng thép, nền xi măng có bê tông lót, diện tích 13,25m<sup>2</sup> (ngang 5,3m x dài 2,5m) tọa lạc tại khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chị M và anh L thống nhất các tài sản chung trị giá theo biên bản định giá ngày 23/02/2016 là 190.996.000 đồng.

Chị M và anh L thỏa thuận chia tài sản chung như sau:

+ Anh Lưu Kim L được quyền sở hữu:

- **Nhà chính:** Dạng độc lập, cột, móng bê tông cốt thép (trệt), tường xây gạch trắng vữa, quét vôi, lắp dựng khung cửa sắt, nền gạch men, mái tol có trần tấm nhựa, diện tích 76,85m<sup>2</sup> (ngang 5,3m x dài 14,5m).

- **Mái hiên:** Có kết cấu đỡ bằng thép, nền xi măng có bê tông lót, diện tích 13,25m<sup>2</sup> (ngang 5,3m x dài 2,5m).

Nhà chính và mái hiên tọa lạc tại khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, hiện anh L đang quản lý, sử dụng.

+ Chị Cao Thị Tuyết M được chia giá trị nhà chính và mái hiên với số tiền 120.000.000 đồng. Anh Lưu Kim L tự nguyện giao 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) cho chị Cao Thị Tuyết M.

- **Thời hạn giao tiền:** Chị M và anh L thỏa thuận do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang giải quyết theo Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi được quy định tại khoản 02 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- **Về thời gian lưu cư anh L và chị M thỏa thuận như sau:** Chị Cao Thị Tuyết M có quyền lưu cư tại căn nhà anh Long được chia trong thời hạn 10 tháng kể từ ngày 04 tháng 7 năm 2017.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Cao Thị Tuyết M tự nguyện nộp 3.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 3.125.000 đồng theo biên lai thu số 0000731, ngày 28/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị M được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 125.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho chị M số tiền 625.000 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007225, ngày 25/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang.

Anh Lưu Kim L tự nguyện nộp 1.774.900 đồng (Một triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm đồng).

- **Về lệ phí thẩm định tài sản:** Chị Cao Thị Tuyết M tự nguyện nộp 2.551.000 đồng nhưng được trừ vào 3.000.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí thẩm định tài sản do chị M nộp cho Tòa án tạm thu. Hoàn trả cho chị M số tiền chênh lệch là 449.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Kim Thoa**